

KHỞI TÍN LUẬN SỞ BÚT SẢO KÝ

QUYỂN 4

CHỦ TẠO LUẬN SỞ

Có ba:

1. Giải thích Mã Minh:

Sơ sinh v.v... là nghĩa thứ nhất, Lại Thiện v.v... là nghĩa thứ hai, Trung Ấn là nghĩa thứ ba, đều là bao gồm, là cú mình, ngoài ra đều như vẫn nói.

2. Giải thích Bồ Tát:

Nói đủ, v.v..., do Trung Hoa vào thời này tập tục không quý âm vận của nước Tần, nên giữ nguyên tiếng Phạm. Bởi chán rườm rà ưa giản lược, nên lại lược bớt chỉ còn hai chữ, do đó chỉ gọi chung là Bồ-tát.

Cũng v.v..., là nêu nghĩa trước, tức nêu ba nghĩa Mã Minh ở trước.

Sở cầu là Phật, Phật tức là giác. Sở độ là chúng sinh, chúng sinh là hữu tình, ở đây toàn chấp cảnh sở cầu sở độ, để nói lên người năng cầu năng độ, tức bậc trí giác ngộ, thuộc về Hữu tài thích.

Trí giác ngộ tức Trí thỉ giác. Thức tình lự tức sáu thức nhiễm, ở đây cũng hoàn toàn chấp trí giác sở hữu tình thức, mà đặt tên năng hữu, cũng là Hữu tài thích.

Sở cầu là trí Phật, trí Phật tức là giác. Năng cầu là tự thân, tự thân tức hữu tình. Đây tức câu Bồ-đề-tát-đỏa, lấy hơn để làm rõ kém, là Y chủ thích.

Trong ba nghĩa này, nghĩa đầu là đứng về cảnh, nghĩa kế là đứng về tâm, nghĩa sau cùng gồm cả hai tâm và cảnh. Lại, ban đầu là theo bi trí, thứ hai là theo chân vọng, thứ ba là theo nhân pháp. Do đó theo tâm cảnh, bi trí, chân vọng, nhân pháp là để rõ lý Bồ-tát đều cùng tận. Luận Trí Độ chép: “Bồ-đề là trí huệ vô thượng, cũng gọi là Giác, cũng gọi là Đạo. Tát-đỏa cũng dịch là chúng sinh, hoặc gọi là tâm lớn, hoặc gọi là tâm mạnh mẽ”. Tiểu Phẩm nói: “Vì giác tất cả pháp không chướng ngại

gọi là Bồ-tát, sẽ vì đại chúng làm bậc Thượng thủ gọi là Ma-ha-tát”. Đạo Hành chép: “Người này đối với tất cả pháp đều biết rõ nên gọi là Bồ-tát, ở trong trời đất là bậc cao quý nên gọi là Đại”.

3. Giải thích chữ tạo:

Chế tác là phân biệt chẳng phải soạn thuật.

Phật diệt v.v..., là nói thời gian soạn luận là vào 250 năm đầu, người giải thoát ít nên soạn luận này để giúp được chứng nhập.

Ma-da v.v..., là y theo luận Đại thừa nói thì có sáu vị tên Mã Minh xuất hiện trước sau khác nhau:

- Kinh Thánh Đảnh Vương chép: “Phật thành đạo mười bảy ngày, có một ngoại đạo vặn hỏi Phật, tên là Mã Minh”.

- Kinh Ma-ni Thanh Tịnh chép: “Sau khi Phật diệt độ một trăm năm, có một Bồ-tát xuất hiện ở đời tên là Mã Minh”.

- Kinh Biến Hóa Công Đức chép: “Sau Phật diệt độ ba trăm năm, có một vị Bồ-tát xuất hiện ở đời tên là Mã Minh”.

- Như số đã dẫn chứng.

- Kinh Thường Đức Tam-muội nói: “Sau khi Phật diệt độ tám trăm năm, có một Bồ-tát xuất hiện ở đời hiệu là Mã Minh”.

- Kinh Trang Nghiêm Tam-muội nói: “Thời quá khứ có một Bồ-tát hiệu là Mã Minh”.

Nói đủ có sáu nay, ở đây là nói phần thứ tư, nhưng theo Đại Luận nói thì Bồ-tát này thành đạo kiếp trước, hiệu là Phật Đại Quang Minh. Nay vì giúp giáo hóa nên thị hiện ở Bát địa, cha tên Lư-già, mẹ tên Cựu-da, còn gọi là Công Đức Nhật. Bồ-tát thì như chỗ khác đã nói rõ, các số đều như nhau.

Chân đế v.v..., cũng gọi Câu-na-la-đà, Hán dịch là Thân Y.

Lương Nguyên Đế v.v..., bởi vị Tam tạng này là do vua Lương Võ Đế vào năm Mậu Thìn niên hiệu Thái Thanh thứ hai, vua ở điện Bảo Vân ban sắc lệnh dịch kinh. Từ niên hiệu Thái Thanh năm thứ hai đến năm Giáp Thìn niên hiệu Thừa Thánh thứ ba, ở tại chùa Chánh Quán dịch các kinh Kim Quang Minh, Di-lặc Hạ Sinh, v.v... cùng Luận Khởi Tí, v.v... mười một bộ, hợp thành hai mươi quyển. Luận này vào ngày mùng mười tháng chín năm ấy do Lương Ấp, Anh Hiền, Tuệ Hiển, Trí Khải, v.v... cùng phiên dịch tại chùa Kiến Hưng ở Tuệ Châu, đồng thời dịch Luận Chỉ Huyền Văn hai mươi quyển. Gặp lúc Hầu Cảnh làm loạn bèn muốn đi thuyền trở về Tây, gặp lúc gió lớn nên quay về Quảng Châu, được sắc lưu trụ lại chùa Chế Chỉ thỉnh dịch kinh luận, từ niên hiệu Vĩnh Định năm đầu đời Trần đến năm Kỷ Sửu niên hiệu Thái Kiến

năm đầu, lại dịch Phật luận A-tỳ-đàm và luận Câu-xá, v.v... Tổng cộng hai đời Lương và Trần dịch được ba mươi bốn bộ kinh luận, gồm một trăm mười bốn quyển.

Hiểu rộng, đối các tạng, các bộ, v.v ... đều rộng hiểu khắp, cùng các nghệ thuật, dị giải, lão luyện bén nhạy.

Thần dị, hoặc trải tòa trên sông, hoặc ở ngay chỗ nắng nóng mà không đổ mồ hôi, v.v... Ngoài ra như văn sớ.

Đại Châu, do Võ Hậu Tắc Thiên khi mới lên ngôi, vào ngày mừng chín tháng chín năm thứ hai đổi quốc hiệu là Đại Châu, đổi niên hiệu là Thiên Thọ năm đầu, nên nói Đại Châu Tắc Thiên.

Giải thích người dịch, do bản dịch ở sau là chứng nghĩa của sớ chủ, e dính mắc phạm tình nên giải thích bản khác.

- Quy mạng:

Quy mạng Tam bảo: các luận đủ thiếu không giống nhau, có luận quy mạng đầy đủ như luận Trí Độ ... Có luận chỉ quy y Phật, như luận Địa Trì, v.v ... Có luận chỉ quy y Tăng như Luận Thập Địa, v.v ... Có luận không hề quy y, như Luận Thập Nhị Môn, v.v ... Đây là mỗi mỗi tùy theo ý tác giả. Nay luận này sở quy đều đầy đủ cả, văn sớ có hai:

- Trình bày Ý:

Nhớ ân: Phật đại từ bi rủ lòng đem giáo pháp dạy bảo chẳng tự mở mang, truyền cho tăng chúng khiến ta không khổ, được an vui, tức biết Tam bảo đối với ta có ân đức lớn, vì cảm ân đức ấy mà quy mạng.

Che chở: vì muốn soạn luận để dẹp tà hiển chánh nên trước quy y Tam bảo, thỉnh cầu thăm che chở, trợ giúp tăng thêm trí huệ khiến được sớm thông hiểu, nên nói là gia. Sợ kia bị ma quấy nhiễu việc làm khó thành tựu, nên mượn lấy oai lực phòng chướng duyên bên ngoài, nên nói là hộ.

Sinh tín: luận chủ thị hiện cũng ở nhân vị, chủng trí chưa viên mãn nên luận văn nói e ít có người tin, do đó nương oai lực mà soạn người sẽ tin không nghi.

Nghi thức, phạm đạo làm con muốn làm gì trước phải trình qua cha mẹ. Nay đệ tử muốn đem giáo pháp để lại để soạn luận văn, thì trước phải quy mạng Tam bảo vì làm nghi thức cho đời sau.

Tôn thấng, tôn trọng Tam bảo là đầu mối phát xuất ra các vật, là ruộng phước của thế gian, phần đầu của luận nói về quy y, là tiêu biểu sự cao quý.

Lợi ích chúng sinh, Phật Pháp Tăng hay làm lợi ích cho các loài, vậy lợi ích kia rất rộng phải chăng? Vì phạm phu ngu mê điên đảo

không biết, nên phải quy mạng để nói lên lợi ích lớn đối với mọi loài.

- **Giải thích Văn:** Từ Quy mạng v.v... trở xuống, có ba:

a. Năng quy chí thành:

Văn có hai:

- **Giải thích Văn:**

Có hai:

- **Sự tướng:**

Giải thích nương bốn chữ đầu cộng thành nghĩa quy y, nghĩa là quy y, quy đầu, quy thú, quy hướng.

Ngự căn v.v... trở xuống, là đứng về mặt vận trì hạt giống sắc tâm không dứt công năng gọi là Mạng, do giữ mạng khiến căn không hoại, tức thuộc về pháp Bất tướng ứng hành.

Một thân v.v... trở xuống, mạng còn thì thân còn, mạng mất thì thân hoại, chỗ tôn trọng của người đời không ngoài chỗ này.

Ở đây nêu v.v... trở xuống, đứng về mặt sở quy để nói năng quy.

Mạng đáng trọng, vì là không hai.

Phật đáng tôn, vì là vô thượng.

Nay đem mạng đáng trọng quy về cảnh đáng tôn là rất thích đáng.

- **Giải thích Hạnh quán:**

Số Lại, quy y v.v... trở xuống là giải thích hạnh quán.

Chúng sinh v.v... trở xuống là nói về nguồn mê.

Tuy nói sáu căn gồm chấp sáu thức, đều từ một tâm lặng lẽ mà khởi. Do gốc là thuần nguyên nhất tâm, bởi quay lưng bèn thành sáu thức căn thức. Thức không tự khởi do trần mà phát, niệm niệm rong ruổi đầu thể tự phản chiếu, tức nghĩa bỏ giác theo trần. Nên kinh Phật Đảnh nói: “Vốn là một tinh minh chia thành sáu hòa hợp”.

Nay nêu v.v... trở xuống, là nói về nghĩa trở về nguồn.

Nhiếp chung sáu tình: tình tức là căn, do mạng hay nhiếp chung các căn. Nay nêu chung, nhiếp riêng nên chỉ nói quy mạng, vì mạng lúc trở về nhất tâm thì các căn đều theo đó mà hợp. Kinh nói: “Một căn đã trở về nguồn thì sáu căn đều giải thoát”. Lại nói: “Một chỗ thôi dừng sáu dụng đều chẳng thành tự”. Tuy nhiên, ở trên đã nói chỉ là phân một làm nhiều, tức nghĩa bỏ giác, nhiếp nhiều thành một tức là nghĩa quy. Thật ra không có năng bối, sở bối, năng quy, sở quy.

Nhất tâm v.v... trở xuống là bởi có giác chiếu là Phật, kham giữ gìn là Pháp, đầy đủ muôn đức hòa hợp không trái là Tăng. Trên nhất tâm mà hiện ba nghĩa nên nói Nhất thể.

- Nói chung về Thể:

Số Nhưng hay v.v... trở xuống là nêu chung về thể, có hai:

- Chung theo ba nghiệp:

Thể năng quy tức thân miệng ý của ngài Mã Minh, nghiệp tức ba dụng.

Muốn hiển bày v.v... trở xuống là giải thích đủ cả ba nghiệp, vì số có ba ý:

- Nói lên đức thù thắng của Phật.
- Gốc lành viên mãn.
- Vì đến quả kia.

Dùng thân nghiệp quy y là nói lên có thiên nhãn để thấy, dùng khẩu nghiệp quy y là nói lên có thiên nhĩ để nghe. Dùng ý nghiệp quy y là nói lên có tha tâm để biết.

Viên mãn v.v... trở xuống là xưa do ba nghiệp đều bất thiện, như mười chi sát sinh.v.v, nay đã quy y Phật tức ba nghiệp đều thiện, dùng thân kính lễ, miệng khen ngợi, tâm duyên theo, tức sát đạo dâm v.v... tự nhiên chẳng sinh.

Nhân ba luân v.v... ba luân là quả, nghĩa là thần thông, chánh giáo, ký tâm. Nhân là ba nghiệp thiện, là nhân của ba luân. Y chủ thích thì do nhân trong thân nghiệp quy y quả, được thần thông luân. Y nghĩa là như thiên nhãn, thiên nhĩ thông. Vì ở đây hay dẫn tà về chánh. Do nhân trong khẩu nghiệp quy quả, được Chánh giáo luân, nghĩa là Túc mạng, lậu tận thông, ở đây hay quán sát căn cơ nói pháp, giúp cho được giải thoát. Do nhân trong ý nghiệp quy mạng, được quả Ký ba luân, nghĩa là Tha tâm thông. Đây khiến người chưa tin sẽ tin, người chưa tu chứng sẽ tu chứng, hoặc cùng thọ ký v.v... đều gọi là Luân, vì hay dẹp phá hoặc chướng của chúng sinh.

Hoặc kiến v.v... trở xuống là nói về nghi thức quy mạng, đây chính chẳng luận ba nghiệp trước sau chỉ tùy theo chỗ thấy nghe, ắt đối ba nghiệp quy y, đây có bốn câu, như số nêu phối hợp, nhưng ba câu trên là nói về một thời kỳ, số câu phối hợp thuộc khuôn phép. Nếu xét kỹ theo Phật tùy cơ e không có việc này. Như Phật được tự tại, há có thấy mà không nghe sao? Nếu theo căn cơ, như thấy thân Phật mà không nghe nói pháp, đâu chỉ đem thân làm lễ mà không có ý cung kính miệng khen ngợi hay sao? Như nghe nói pháp mà không thấy hình tướng, đâu chỉ dùng miệng khen ngợi mà không ý làm lễ hay sao? Lại, tuy không thấy nghe như người chuyên tâm niệm Phật há không có thân miệng sao? Huống chi là thân miệng do tâm sai khiến, ý nghiệp chẳng hành, thân

khẩu chẳng động ư! Như đây phối hợp là nói về một thời hạn.

TỔNG KẾT:

Sớ Nay nói v.v... trở xuống, là tổng kết đều thuộc về ý nghiệp vì thân, miệng đều do ý sai sử, ý là cội gốc, hai thứ kia là ngọn. Huống là ba cội duy tâm, muôn pháp duy thức, thật đáng coi trọng, nên chỉ nói ý nghiệp.

b. Phân hạn sở quy:

Luận: Tận mười phương v.v... là giới hạn về sở quy, số có hai:

- Nói về phần hạn nơi chốn:

Chẳng phải ngay đây v.v... là chẳng phải chỉ có nghĩa là chẳng phải chỉ ở một phương Tam bảo mà là quy mạng khắp cả, ở đây giải thích mười phương.

Mỗi phương v.v... trở xuống là giải thích chữ Tận, nhưng có hai ý, nghĩa là mỗi phương không chỉ có một cõi, hai cõi, mỗi cõi không chỉ có một vị Phật, hai vị Phật thôi.

Nói lên Tam bảo v.v... trở xuống là giải thích lý do.

Trùm khắp, kinh nói: “Tỳ-lô-giá-na trùm khắp tất cả chỗ”. Đây là Pháp thân trùm khắp. Pháp thân là lý Báo thân là trí, lý trí không hai, nên Báo thân cũng trùm khắp. Pháp thân, Báo thân là thể Ứng thân là dụng, thể tức là dụng nên Ứng thân cũng biến khắp, hai thứ còn lại là nêu rất dễ hiểu.

Ở đây theo sở quy rộng lớn: năng quy do sở quy mà trùm khắp, năng quy rộng lớn nên năng sở tương xứng, như lộng và dù.

Phân biệt với tiểu: theo giáo mà giải thích, cũng chung cả năng sở. Do trong Tiểu thừa không tin có Phật ở phương khác, nên nay nói tận mười phương là phân biệt chỗ khác kia.

- Nói về phần hạn Tam bảo:

Nhưng, ba” v.v... trở xuống, là nói phần hạn của ba ngôi báu (Phật, Pháp, Tăng).

Trụ trì, các tượng đức vẽ tô v.v... là Phật, ba tạng giáo kinh luật luận là Pháp, năm chúng Tỳ-kheo v.v... hòa hợp là Tăng. Ý theo pháp như thế mà trụ trì.

Tướng riêng: năm giáo cạn sâu chẳng giống nhau, Phật có ba thân mười thân, Pháp là giáo, lý, hạnh, quả, Tăng có ba hiền mười thánh tám bậc thượng nhân. Do năm giáo khác nhau nên ba ngôi báu mỗi ngôi có khác.

Thể chung: tuy bốn tánh quán hạnh dung thông có khác, nhưng đều lấy giác chiếu làm Phật, giữ gìn phép tắc làm Pháp, hoà hợp làm

Tăng, đều là nói trên một pháp thể.

Là phước v.v... trở xuống là giải thích chung nghĩa ba ngôi báu, bởi có công năng sinh phước lợi nên lấy ruộng làm ví dụ, trọn đáng tôn đáng trọng nên dùng báu để khen ngợi. Do cả ba đều là quý báu nên nói ba ngôi báu. Đây là dùng số mà giải thích. Tuy nhiên, nói về ruộng có ba thứ:

- Ruộng kính: Tức cung kính ba ngôi báu sinh ruộng phước.

- Ruộng ân: Tức do báo đáp ân cha mẹ mà được sinh ruộng phước.

- Ruộng bi: Tức do lòng từ bi thương xót kẻ nghèo cùng tật bệnh nên sinh ruộng phước.

Đây là theo thời gian mà nói riêng, nhưng cũng chẳng nhất định hạn cuộc. Như ba ngôi báu chẳng lẽ vô ân sao? Luận Trí Độ nói: “Khiến truyền pháp tu hành để báo ân Phật” là ý đầu tiên trong sáu ý của số, vì đền đáp ân đức. Lại, cha mẹ sao lại không cung kính ư? Như trong Luận Ngữ, Tử Du hỏi về việc hiếu. Tử Du nói: Người có hiếu thời nay là có khả năng nuôi dưỡng, đến như chó ngựa cũng đều có khả năng nuôi dưỡng, bất kính đâu khác gì ư! Người nghèo cùng, tật bệnh, há lại vô ân hay sao? Phật nhân chúng sinh mới được thành đạo, nên Hóa thân Phật gọi là ân đức. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Do chúng sinh mà khởi đại bi, do đại bi mà sinh tâm Bồ-đề, do tâm Bồ-đề mà thành chánh giác”.

Lại nói: “Nếu không có chúng sinh thì tất cả Bồ-tát không bao giờ thành Vô thượng Chánh giác”. Cho nên Bồ-đề là do chúng sinh. Lại bi cảnh này đâu được không cung kính hay sao? Lễ Ký nói: “Không ai chẳng kính”. Hiếu Kinh nói: “Kính cha thì con được vui, kính vua thì thần được vui, cung kính một người mà ngàn người cùng vui, cung kính ít người mà nhiều người đồng vui”. Lại, trong Phật pháp cung kính tất cả thì đối với cha mẹ há lại không từ bi ư? Và lại từ bi có công năng đem đến niềm vui. Hiếu kinh nói: “Phụng dưỡng thì đến được an vui”. Đối với ba ngôi báu há không có nghĩa ban vui hay sao? Nếu cúng dường tức là nghĩa này. Nên biết ba thứ ruộng phước đều có chung ba nghĩa, nay nói theo nghĩa riêng thì đối với ba ngôi báu gọi riêng là ruộng phước.

Nay sở quy v.v... trở xuống, là tổng kết lược bao gồm tất cả.

Đồng thể: do nay trong Pháp bảo thể đại và tướng đại chính là ba ngôi báu Đồng thể, nên nói bao gồm. Biệt tướng là chánh, đồng thể là gồm, ở văn có thể thấy, trong số không có phối hợp.

Trụ trì: do giữ gìn Phật pháp cả hai đều thuộc về sắc, trong toàn dụng này thể đại là tánh, nên văn sau nói: “Tất cả pháp chân như bình

đẳng không thêm bớt”. Lại, Tăng bảo kia chẳng lia năm chúng, đây cũng thuộc về thể đại. Văn sau nói: “Chân như tự thể tướng ở tất cả phàm phu, Thanh Văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật, không có thêm bớt”. Trong đây đồng thể lại nhiếp giữ gìn, cho nên không nói vậy.

c. Sở quy Tam bảo:

Luận: Tối thắng v.v... trở xuống là nói về Tam bảo sở quy, văn có ba:

PHẬT BẢO. Trong số, có hai:

- **Lược phối hợp vượt hơn Tiểu thừa.** Có hai ý:

- Quả Phật (ba thân, ba đức) vượt hơn quả Tiểu thừa (La-hán, Bích-chi-phật).

- Phật sở quy của Bồ-tát (Bảo thân) vượt hơn Phật sở quy của Tiểu thừa (Hóa thân).

Nhân siêu vượt cũng có hai ý:

- Quả Phật (Diệu giác) siêu vượt hơn nhân của Bồ-tát (Đẳng giác trở xuống).

- Chân ứng vô ngại (thân tự thọ dụng) siêu vượt chỗ thấy của thân tha thọ dụng của Bồ-tát.

Tuy nhiên, nếu y cứ chỗ thấy của ngài Mã Minh hợp thành thân tha thọ dụng. Nay dùng ý nghiệp quy mạng, chẳng kẹt chấp ở nhân kiến. Nhân kiến tùy theo công lực kia, ý quy mạng thì tột đến chân thân, ngay nơi tự thọ dụng cũng như vậy.

Ở trên, trong mỗi thứ có hai nghĩa, nghĩa trước là chánh.

Nghiệp trở xuống, là nêu. Nghĩa là từ ý trở xuống là giải thích. Ý nói chữ Nghiệp gồm cả thân miệng ý, như số phối hợp. Nói tối thắng cũng chung cả ba nghiệp. Nghĩa là biết khắp, là ý nghiệp cao siêu, v.v... cũng có thể lợi tha cứu đời, ngoài ra là tự lợi, tức tự lợi lợi tha thấy đều viên mãn. Nếu phối hợp ba đức thì như thứ lớp là Trí đức, Đoạn đức và Ân đức.

- **Giải thích riêng:** Số Biến tri v.v... trở xuống, có bốn:

Nói về ý nghiệp của Phật:

Chân trí v.v...trở xuống, cũng gọi Thật trí căn bản, Chánh thể trí... Trí này khi chứng lý tột mé chân như đều viên mãn tột cùng, nên nói biến tri, tức như Lý trí chứng chân nghĩa.

Tục trí trở xuống, cũng gọi là Quyền trí, trí Hậu đắc, v.v ... Trí này phân biệt các pháp duyên sinh nhiệm tịnh đều rõ biết, nên cũng gọi là biến tri, tức như Lượng trí nghĩa suốt cả tục.

Lý lượng v.v... trở xuống, là tổng kết cả hai, nghĩa là hai trí này lúc

duyên hai cảnh, không trước không sau, cũng không đồng thời. Trí thể không hai cảnh cũng không hai trí.

Không hai, thể kia chẳng khác mà dụng kia có khác, theo biết chân gọi là Chân trí, theo biết tục gọi là Tục trí.

Cảnh không hai, nghĩa là Sắc tức là Không làm chân cảnh, Không tức là Sắc làm tục cảnh. Do đó lúc chứng chân sẽ thông suốt cả tục, khi thông suốt cả tục rồi sẽ chứng chân, chứng chân suốt tục không trước không sau, hướng chi không tâm ngoài cảnh làm sao có cảnh ngoài tâm? Tâm cảnh dung nhau là nhất pháp giới. Bởi gương phân năng sở nên nói Trí cảnh. Rõ không năng sở mới gọi là trùm khắp không điền đảo, không điền đảo tức là chánh, vì lý như sự như.

Nói về thân nghiệp của Phật:

Sở Sắc vô ngại trở xuống, là nói về thân nghiệp của Phật.

Hoa Nghiêm v.v... tức trong phẩm Bất Tư Nghì nói mỗi căn trùm khắp tức là Đại, không hoại căn tánh tức Tiểu. Tánh là thể tánh, không hoại thể thấy nghe. Nghĩa là mắt thấy tai nghe đối cảnh không lầm.

Không tạp v.v..., chính lúc trùm khắp căn tướng rõ ràng, mỗi căn riêng biệt, không xen lẫn nhau. Nghĩa là độ lượng thì không thấy bờ mé, nhìn xem thì không hề dời đổi. Bởi tột đến Phạm Thiên không thấy đánh trượng sáu, trùm khắp pháp giới mà không khởi đạo tràng vắng lặng, Đại Tiểu vô ngại là như thế.

Tương tác, mỗi căn đều có khả năng thấy nghe hiểu biết, chẳng phải như mắt của phàm phu chỉ thấy sắc.

Rõ ràng, có nghĩa là rõ ràng không loạn, đây tức là sự, tánh không tức là lý. Vì sắc sở kiến toàn tánh mà khởi sắc, chính lúc khởi là tánh khởi, đây là sự chẳng ngại lý. Bốn sở lại nói: “Lý mầu thường vắng lặng mà không ngại nghiệp dụng rộng lớn”. Câu này tức lý không ngại sự, đây chính tánh khởi làm tướng, một nhiều duyên khởi mà vô biên. Tướng được tánh dung thông, ngàn muôn sai khác dính mắc mà không ngại. Kia cũng như cảnh trong gương, trăng đáy nước, suy nghĩa sẽ biết. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Thân Phật không đến cũng không đi, chỗ có cõi nước đều thấy rõ”. Kinh Kim Cương chép: “Ba mươi hai tướng tức chẳng phải tướng”. Lại, trong luận phần sau nói: “Sắc tánh tức trí, trí tánh tức sắc”, trùm khắp tất cả chỗ, v.v... đều là nghĩa này.

Xoay tròn trở xuống, là chung cả hai ý.

Trong một hội đều thấy mặt Phật.

Trùm khắp các chỗ khác đều đồng thời thấy.

Mười phương v.v... trở xuống, là theo nơi chốn mà hiển bày khắp

không một chỗ nào chẳng có Phật.

Phần nhiều căn cơ v.v... trở xuống, là đứng về mặt căn cơ mà giải thích nghi. Nghe nói mười phương đồng hiện sẽ cho rằng phân thân phó cảm. Nay nói phần nhiều căn cơ đốn ngộ cảm ứng, ứng tuy đồng thời mà thân Phật vẫn như nhiên bất động. Như một bóng mà ngàn muôn người cùng thấy, mỗi mỗi tùy theo người kia đi ở hướng Đông hay Tây mà thấy trăng đi theo, bóng trăng không hề phân biệt, Phật cũng giống như thế. Nên kinh Hoa Nghiêm chép: “Thân Phật đầy khắp pháp giới, hiện khắp trước tất cả chúng sinh, tùy duyên phó cảm đều trùm khắp mà thường ngồi trên tòa Bồ-đề”.

Nói về khẩu nghiệp của Phật, Sớ Thế gian v.v... trở xuống nói có ba:

Sở cứu: Cứu ba thế gian, là: Trí chánh giác thế gian, chúng sinh thế gian và Khí thế gian. Chánh giác là năng hóa, chúng sinh là sở hóa, khí giới là hóa xứ. Vì khí giới là vô tình, chánh giác là Phật, chỉ có chúng sinh là sở cứu.

Năng cứu: Sớ Đại bi v.v... trở xuống, là năng cứu.

Ba duyên, nghĩa là bốn tâm vô lượng đều đầy đủ ba duyên:

Chúng sinh duyên: là duyên đối với chúng sinh như cha mẹ quyền thuộc.

Pháp duyên: là duyên đối với chúng sinh đều là các pháp hợp thành.

Vô duyên: là chẳng thấy chúng sinh và các pháp tướng.

Nay tuy chỉ nói bi mà đầy đủ cả bốn tâm.

Vô duyên v.v... trở xuống, là giải thích chữ Đại, đối với ba duyên thì đây là trên hết, nghĩa là đồng thể với pháp tánh, gọi là Đại.

Phật tánh v.v... trở xuống, là dẫn chứng.

Tạm cứu v.v... là hiển bày ngược lại, nghĩa là tạm khởi tâm duyên ưa hành tuệ nhỏ. Thấy người nghèo khổ hoặc bố thí vàng lụa, giúp đỡ y thực. Thấy người bị ách nạn hoặc thí vô úy đến được an vui, không quên cái thấy về ngã nhân, chúng sinh, có tâm thân sơ, dày, mỏng, điều này sẽ không lâu dài. Chẳng phải chỉ không lâu dài mà ngược nhìn cũng không khắp. Vì thấy chúng sinh và ngã tướng mà sinh tâm mệt mỏi, cho nên Phật pháp quả là ái kiến.

Hằng cứu v.v... là nói về thuận theo, nghĩa là thấy chúng sinh vốn thành Phật đạo như ta không khác, cảm thương vì mê mờ điên đảo vọng chịu luân hồi, nếu xoay trở về nguồn nhất định sẽ thành Phật. Do đó, vì giáo hóa một chúng sinh nên ở cõi nước như bụi nhỏ trải qua vô lượng

kiếp làm hạnh khổ khó làm. Đối với một chúng sinh mà còn như vậy, đối với nhiều chúng sinh cũng giống như vậy. Đây chẳng phải chỉ từ lâu hằng gồm cả, cứu độ cùng khắp nên nói Đại Bi. Văn sau chép: “Nghĩa là phát nguyện tốt đời vị lai hóa độ tất cả chúng sinh, không còn dư sót, đều khiến được rốt ráo Niết-bàn vô dư”, vì tùy thuận pháp tánh không đoạn dứt, pháp tánh rộng lớn trùm khắp tất cả, chúng sinh bình đẳng không hai, không nhớ kia đây, rốt ráo vắng lặng.

Chung ngại: Số Nhưng, muôn, v.v... trở xuống, là nói về thông ngại, hoặc nói Phật có đủ vô lượng công đức, vì sao chỉ nêu Đại bi? Nên ở đây nêu chung.

Muôn đức là ba minh, tám giải, năm mắt, sáu thông, mười lực, bốn vô Sở úy, mười tám pháp Bất cộng v.v...Đức của Phật vô lượng, nay nói muôn là nêu đại số. Vì công đức bốn tánh vô lượng nên quả đức hiển bày cũng vô lượng.

Đại bi là lực v.v... theo kinh A-hàm nói, thông thường lực có sáu thứ:

*Trẻ thơ dùng tiếng khóc.
Người nữ dùng tức giận.
Vị vua dùng kiêu ngạo.
Sa-môn dùng nhẫn nhục.
La-hán dùng tinh tấn.
Phật dùng tâm đại bi.*

Như Phật thành Chánh giác, binh ma kéo đến, Phật nhập định từ, ma liền tan biến. Huống chi đại từ bi là tâm thể của Phật, nên kinh nói: “Tâm Phật là đại từ bi”. Nay thỉnh che chở xứng hợp với lý.

Kết đức thuộc về người:

Số giả v.v... trở xuống, là kết đức thuộc về người. số là lặp lại văn luận.

Lặp lại, đức là công đức ba nghiệp nói ở trên, nghĩa là biết khắp sắc vô ngại. Cứu đời là người.

PHÁP BẢO. Luận Cùng kia v.v... trở xuống, số có hai:

XUẤT THỂ: Bốn thứ tức Giáo, Lý, Hạnh, Quả.

Giáo cạn, năng thuyên thô hiển bày là giả danh.

Lý sâu, Sở thuyên chỗ chứng trí chân thật.

Phần hạnh: địa vị nhân công lực chưa rốt ráo.

Quả viên mãn, Trí đức và Đoạn đức cả hai đều thành tựu.

Nay chấp v.v...trở xuống, là bỏ chấp, hai câu đầu là nêu.

Thế nên theo v.v... trở xuống, là phối hợp văn của luận, theo Phật

để nói về pháp.

Ngay nơi quả pháp mà trình bày về thân, v.v...”, thân là dụng đại, nương thể tướng mà khởi nguyên do. Phật chứng đắc hai đại thể và tướng sau mới khởi dụng. Đã là sở chứng tức ngay pháp lý.

- **Giải thích văn:** Sở Nêu v.v...trở xuống. Có hai:

Giải thích văn nêu. Trong câu đầu của luận có hai:

Giải thích riêng chữ Cùng:

Giả lược ở trước, nói về pháp chẳng phải là Phật, như nói con và cha, tức biết cha và con không đồng nhau.

Tập hợp, nói rõ Phật Pháp đều quy mạng, như nói mời con và cha, tức biết chẳng phải chỉ có một người.

Giải thích chung. Sở Ngay đây v.v... trở xuống, văn có hai:

- Chính giải thích văn:

Nghĩa chẳng phải một, Phật và Pháp cả hai khác nhau.

Nghĩa chẳng phải khác, Pháp này lia Phật chẳng có tự thể riêng, tức là thể tướng của thân kia, nên biết Phật Pháp chẳng tức chẳng lý, lấy nghĩa nhất tâm mà nói Phật Pháp.

- Chung cho vặn hỏi. Lấy dụng, v.v... trở xuống.

Chánh thông:

Hỏi rằng: Đã nói thân kia thể tướng phối hợp thuộc về Phật, nghĩa kia thì chấp nhận, nay tại sao lại nói Pháp bảo ư? Nên ở đây giải thích: Vì Phật có ba thân, trong dụng đại đã gồm Báo thân và Hóa thân, tức thuộc về Phật bảo. Hai đại thể và tướng chính là Pháp thân, phối hợp quy mạng Pháp bảo ở lý rất đúng.

Chuyển giải thích:

Sở Do kia v.v... trở xuống là chuyển giải thích. Hoặc nói: câu này đã thuộc Pháp bảo, tại sao lại nói thân kia, thân kia há chẳng phải Phật ư? Nên ở đây giải thích: Nghĩa là nương thể khởi dụng, dụng chẳng lia thể. Nay y cứ dụng để nêu thể, tướng hội dụng trở về thể, nên nói thân kia, chẳng cho rằng đều thuộc Phật bảo.

Giải thích văn. Sở kế đến, v.v... trở xuống, có ba:

Giải thích thể tướng. Có hai:

- Trong thể, có ba:

Giải thích pháp tánh:

Câu trên giải thích thể đại, tức câu “hiển bày Pháp tánh chân như là giải thích chữ Thể trong phần nêu ở trên.

Pháp tánh v.v... trở xuống là lược nêu ý, nghĩa là hiển bày chân tánh bình đẳng trùm khắp, tình đồng vô tình cùng một thể, nhiễm tịnh

nhân quả đồng là tánh này, nên nói trùm khắp.

Chẳng trực v.v... trở xuống là giải thích. Nếu nói Phật tánh chỉ hạn cuộc ở quả không chung các pháp. Nếu nói Phật tánh thì không chỗ nào mà không bao gồm, không chỉ đối với Phật, tất cả pháp là sắc tâm nhiệm tịnh, v.v... tánh là chân tánh, tức là thể đại.

Tức hiển bày v.v... trở xuống là tổng kết. Nhiệm là pháp thế gian, tịnh là pháp xuất thế gian, tình chung cả phàm phu và bậc Thánh, phi tình chung cả cõi tịnh và cõi uế, sâu thì tốt cùng ba mé, rộng thì bao gồm mười phương, nên kinh Hoa Nghiêm chép: “Pháp tánh biến khắp tất cả chỗ, tất cả chúng sinh và cõi nước ba đời đều không còn thừa, cũng không có hình tướng để được.

Trí Luận v.v... trở xuống là dẫn chứng. Nay một phen theo tên dịch nghĩa, nên có văn kia. Nếu biết ba tên mà một thể, tình và vô tình đều có Phật tánh, chỉ là một pháp chân như theo tướng khác tên, tên đã theo tướng có khác thì Pháp tánh là nói chung, Phật tánh là nói hạn cuộc. Vì Phật cũng là Pháp, vì Pháp cũng là Phật,

Cho nên Phật tánh, Pháp tánh đồng mà chẳng đồng, nên luận Kim Ty nói: “Tuy thể đồng mà rốt ráo có chút khác”. Phàm có tánh danh phần nhiều ở trong phàm, không có tánh danh là phần nhiều chỉ chung cho cả phàm Thánh v.v... nên biết tên tuy khác mà thể vốn đồng. Kinh Viên Giác nói: “Cùng tất cả pháp đồng thể bình đẳng”. Văn của Luận sau nói: “Một là thể đại, nghĩa là tất cả pháp chân như bình đẳng không thêm bớt”.

Giải thích chân như.: Nói chân v.v... trở xuống.

Đây nói v.v... trở xuống, là nêu ý, vì không trùm khắp nên gọi là chân như.

Chân v.v... trở xuống là giải thích nghĩa. Ngụ là trá ngụ, kim như vàng ròng, vọng là luống dối, ảnh như bản chất. Nay nói Phật tánh đều không có việc luống dối này gọi là chân.

Không đối khác, là quá khứ như hiện tại, trong sắc như trong thọ, chỗ nhiệm như chỗ tịnh v.v... Nên kinh nói: “Chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt”. Không có thay đổi nên gọi là Như. Lại, Chân chẳng thể mất, Như chẳng thể lập. Nên văn sau nói: “Không có thể mất”. Do tất cả pháp đều là Chân, cũng không thể lập. Vì tất cả pháp đều là Như, Phật tánh như thế nên gọi là Chân Như.

Giải thích chữ Hải là ý nghi ý giải thích, như Sớ rất dễ hiểu. Pháp y theo suy nghĩ, nên nói chân như tùy duyên thành nhiệm tịnh. Nhiệm

tịnh tuy thành mà chân như bất biến, tánh bất biến chẳng ngại nhiễm tịnh. Nhiễm tịnh muôn vàn sai biệt chẳng ngại một tánh, nên tánh tướng không hai. Do đó một chữ Hải lấy ví dụ chân như tùy duyên bất biến.

- Giải thích Tướng đại. Câu sau trở xuống là một câu Vô lượng công đức tạng, giải thích chữ Tướng trong phần nêu ở trước. Phật tánh là đứng về quả, Như Lai tạng là y cứ nhân, do thể không hai nên nêu cả hai.

Tạng, là theo gồm nhiếp thân nên gọi là chứa nhóm, chỗ nhóm chỗ tụ đều là tánh công đức. Như văn sau nói: “Hai là tướng đại, Như Lai tạng đầy đủ tánh công đức”. Nghĩa là tự thể có nghĩa trí tuệ sáng suốt rộng lớn, nghĩa chiếu khắp pháp giới, nghĩa thức tri chân thật, cho đến nói nghĩa không có thiếu. Nên gọi là Như Lai tạng, cũng gọi Như Lai Pháp thân.

- Thu nhiếp giáo hạnh: Sở Hoặc đây v.v... trở xuống, là nêu hai câu đầu thu nhiếp giáo hạnh, tức chỗ phân biệt từ trước đến nay.

Phần cạn, là theo nghĩa bỏ hay lấy tiêu biểu không hề mất mát gì, là giáo hạnh đều có gồm nhiếp đều gọi là Tạng.

Giáo bao gồm trở xuống, là giải thích.

Giáo là tạng”, do hay bao gồm tạng kia, nói đức cao quý vô lượng sự lý, đây chính sở thuyên gọi là Đức, năng thuyên gọi là Tạng, là tạng của đức. Giáo và nghĩa hai tướng không có pháp xả ly, nên kinh Hoa Nghiêm chép: “Văn theo nghĩa, nghĩa theo văn”. Do đó giáo của năng thuyên gọi là Tạng, tức là đức tạng.

Hành nhiếp v.v..., giải thích hành gọi là Tạng, do hành hay nhiếp tạng được sở thành, sở thành này gọi là Công, năng thành gọi là Tạng, là tạng của công. Nhưng hai pháp công và hành cũng không lìa nhau. Do tu tập gọi là hành, thành tựu gọi là Công. Nên hành của năng thành gọi là Tạng, tức công tạng. Văn sau nói: “Công đức của Như Lai đều nhân chỗ thành tựu hạnh huân của các Ba-la-mật”.

Nên biết v.v... xuống, là kết luận, nhưng trong lý bao gồm tạng chỉ là tánh đức, trong quả bao gồm tạng gồm cả tu tánh đức, giáo bao gồm nghĩa, đức hạnh nhiếp công đức. Bốn thứ này đều gọi là Tạng. Tuy chung bốn pháp nhưng chỉ có giáo và hạnh là gồm, lý và quả là chánh, nên khéo phân biệt.

Giải thích lại ví dụ biển:

Sở Lại, biển v.v... trở xuống, là giải thích lại ví dụ về biển. Đây có bốn nghĩa: Thể, tướng, cùng chia đôi. Hai câu trước dụ về thể, hai câu sau dụ về tướng. Thể thì cao sâu mà rộng lớn, tướng thì đầy đủ đức mà

hiện pháp. Thế, tướng cũng đều đầy đủ bốn nghĩa, nên hai pháp không lia nhau, chỉ là một thể mà có hai tên. Đều đầy đủ bốn câu trăm phi, ở đây bốn chữ: Một, Khác, Có, Không được... nói ở trên nghĩa là một chẳng phải một, vừa một vừa chẳng phải một, chẳng phải một chẳng phải một, là một khác trong bốn câu nêu ở đây, cộng thành mười sáu. Lại quá khứ, hiện tại, vị lai mỗi thời có mười sáu, cộng thành bốn mươi tám. Đã khởi, chưa khởi đều có bốn mươi tám, cộng thành chín mươi sáu, cùng bốn thứ căn bản thành trăm phi. Lỗi tuy vô lượng nhưng chung lại mà nói thì không ngoài bốn thứ: Một, khác, có, không, nên ở đây nói rõ trăm phi. Những thứ này đều không nhưng chẳng tạm thời như thế, nên nói hằng dứt.

Văn sau nói: “Nên biết tự tánh chân như chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng khác, chẳng phải chẳng phải tướng một, chẳng phải chẳng phải tướng khác, chẳng phải một khác cùng tướng, chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, chẳng phải chẳng phải tướng có, chẳng phải chẳng phải tướng không, chẳng phải có không cùng tướng, v.v... Nếu lấy mười câu này, mỗi câu sinh ra mười sử phiền não cũng thành trăm chẳng phải. Đó là đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, không thể dùng thức mà biết được. không thể dùng trí mà biết được, trong sâu càng sâu, nên nói sâu xa, luận Trí Độ nói: “Trí vượt qua biển lớn chỉ Phật mới tốt cùng đáy sâu”.

Bao gồm vật, như văn sau nói: “Tâm nhiếp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, các pháp tuy nhiều nhưng chẳng vượt ngoài thế gian, và xuất thế gian, đều nhiếp tất cả”. Đây tức trong lớn lại lớn. Như kinh Lăng-nghiêm nói: “Bên ngoài cho đến núi sông, hư không, mặt đất đều là vật trong chân tâm diệu minh”.

Không đức thì không đủ, như ở trước dẫn chứng trong tướng đại. Văn tổng kết nói: “Cho đến không có thiếu gì, nghĩa là nên đầy đủ” là lời nói đầy đủ.

Không hình tượng thì không hiện, là theo duyên nhiễm tức hiện các hình tượng nhiễm như ba tế, sáu thô v.v... Theo duyên tịnh tức hiện các hình tượng tịnh, như mười lực, bốn vô úy v.v... Văn sau nói: “Như thật chẳng không tất cả cảnh giới thế gian hết thấy hiện ở trong đây, chẳng ra chẳng vào, chẳng mất chẳng hoại, v.v...”. Kinh Lăng-nghiêm chép: “Sắc tâm các duyên và tâm sở sử, các pháp sở duyên chỉ do tâm hiện. Thân ông tâm ông đều là diệu minh chân tinh trong diệu tâm hiện ra vật”. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Thí như biển lớn sâu xa chầu báu không thể cùng tận, ở trong đó hiện hình ảnh chúng sinh, nhân duyên

biển sâu công đức, tất cả đều vô tận. Trong Pháp thân thanh tịnh không hình tượng nào chẳng hiện”. Lại có tám thứ đặc biệt, mười tướng tốt đẹp đều dụ cho chân tánh.

TẶNG BẢO: Luận Như thật v.v... trở xuống, Số có ba:

Tướng chung:

Phân biệt phàm thánh: Phàm là nội phàm, Tam hiền, Ngoại phàm là người Thập tín và những các vị chưa vào địa vị Thánh nào, mà chỉ mới mang hình thức đầu tròn áo vuông, cũng gọi là phàm phu tăng. Thánh là bốn quả Tiểu thừa, Thập bảo địa Đại thừa.

Chỉ địa vị bậc thánh: là phát khởi trí vô lậu, dứt nhiễm chướng, chứng chân lý.

Hàng Bồ-tát thì cao quý: hai hạnh tự lợi và lợi tha, trừ hai chấp, dứt hai chướng, chứng hai không. So sánh với tiểu thánh thì đây là người cao quý.

Cho nên v.v... trở xuống, là kết luận phân biệt về đại, phân biệt Bồ-tát Địa tiền và phân biệt Tiểu thừa. Nếu y cứ chỗ trở về của Ngài Mã Minh mà hợp thành Cửu địa trở lên, nay theo Địa thượng đồng là chỗ như thật thực hành để trở về.

- **Chính giải thích:** Số Là chứng v.v... trở xuống. Ngay câu này, có hai:

Y bốn luận chứng lý:

Khởi hạnh: Bồ-tát Địa thượng phát khởi trí vô lậu chứng lý chân như, chỗ phát khởi mỗi hạnh kế chân đều như thật.

Thật: tức thật tướng, hạnh như ở nơi thật, gọi là như thật.

Hạnh, văn sau tức văn bản giác trí tịnh theo nhiễm. Văn kia chỉ nói nương pháp lực huân tập, như thật tu hành đầy đủ phương tiện. Nay số theo văn phối hợp địa vị, nên có nói Địa Tiền, v.v...

Địa vị viên mãn: vì địa vị viên mãn hành không còn, nên nói địa vị mà không nói hành. Nay nêu như thật do đồng với địa vị viên mãn nên nói trong đây nêu đồng ở sau.

Y bảo tánh:

Lại nương v.v... trở xuống: trước nói theo địa vị cao thì do Địa thượng đồng chấp địa vị viên mãn. Nay nói về mặt trí hạnh rộng thì do chính thể đồng chấp ở sau.

Được rõ như lý: là nương môn chân như tu hạnh Chỉ, cũng là hạnh lìa tướng, cũng tức nghĩa chứng chân, nên nói như thật.

Biết đầy đủ v.v..., đây là theo môn sinh diệt tu hạnh quán, cũng là hạnh tùy tướng, cũng tức nghĩa đạt tục, nên gọi là tu trùm khắp. Như

văn sau nói: “Quán tất cả pháp tự tánh vô sinh, lìa vọng kiến chẳng trụ sinh tử, quán tất cả pháp nhân duyên hòa hợp nghiệp quả chẳng mất, khởi đại bi tu các phước đức, nhiếp hóa chúng sinh không trụ Niết-bàn, v.v...”. Đây đồng với kinh Tịnh Danh chép: “khéo phân biệt các pháp tướng ở đệ nhất nghĩa mà vẫn bất động”.

Nhưng hai thuyết này là y cứ vào vị và y cứ vào trí, vì đều nói theo nghĩa Địa thượng. Nhưng y cứ vào luận chủ chỉ bày dấu tích về nhân địa thì hợp quy tất cả Thánh hiền. Do đó mà (văn luận) nói chữ “Đẳng”(v. v.) nghĩa là nói cho đến suốt cả các hạ vị: Thánh đồng Hiền, Đại đồng Tiểu, tự nhiên phù hợp với lý tánh chân tâm rộng lớn, bao gồm cả lời nói đồng thể.

- **Gồm cả văn trên:** Số Lại, giải thích v.v... trở xuống là Văn có ba:

Chính giải thích:

Nêu đức để đặt tên người, như gọi người là Tam tạng, v.v...

Tùy theo tu một hạnh v.v... là Bồ-tát này khi tu một hạnh đầy đủ tất cả hạnh, vì một hạnh này đúng như lý phát khởi, lý thể đầy đủ, thu nhiếp tất cả, nên nói là tập thành, v.v...

Pháp giới, muôn hạnh này đã nương lý khởi, mỗi hạnh đều khế lý, lý trùm khắp, hạnh trùm khắp, nên nói là Đẳng. Đây nếu không phải dòng chân thì không thể nào khế chân được, tức nghĩa (pháp giới) kia.

Chỗ được chứa nhóm công đức: người có đức huấn luyện mà được, tức sự tu hành các pháp giới của Bồ-tát gọi là Đức. Vì Địa tiền từ lâu đã chứa nhóm công lực mà đến được Địa thượng. Công lực này làm nhân là năng đắc, thực hành thuộc quả là sở đắc. Nay nhân quả hợp luận, nên nói là công đức.

Người có khả năng nhiếp đức: công đức nhiều ít thuộc về người, nếu không có người thì đâu nói đức, người có đức này thì người là tạng của công đức.

Chính khen ngợi đức hạnh: trước chứa nhóm công lực thực hành mà được, tức như thực hành các pháp giới. Y cứ văn sau dẫn chứng rất dễ hiểu.

Thông ngại: Số nhưng, Bồ-tát v.v... trở xuống.

Hoặc nói: Câu này là thuộc Tăng, vì sao dùng văn trước chỉ nói Pháp bảo, nên có cách giải thích này. Như ở trước Giáo, Lý, Hạnh, Quả đều gọi là Pháp, nay hạnh này nên thuộc về Pháp bảo?

Dẫn chứng nêu lên:

Cũng như v.v... trở xuống, đây là dùng thể tướng trong phần Phật

bảo ở trước, lấy công đức trong phần Tăng bảo ở sau, cộng thành Pháp bảo. Nếu khiến thể tướng trở về Phật, đức trở về Tăng thì đâu có Pháp bảo mà quy kính.

Chung trên dưới, trên là Pháp, dưới là Tăng. Như thể tướng ở văn trước, ở trên là Phật, ở dưới là Pháp. Nên dẫn chứng nêu lên.

